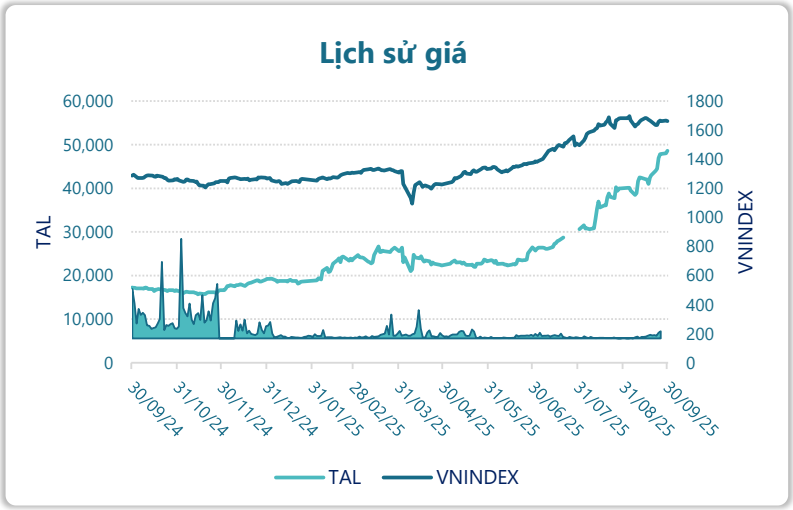
FireAnt

CTCP Đầu tư Bất động sản Taseco (HSX: TAL)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**48,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	360,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	905,635
% sở hữu nước ngoài	8.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	17,496
P/E	23.6
EPS	2,056

DT thuần

Q3/25

1,238

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 681| 122%

YoY: ▲ 927| 298%

LN sau thuế

Q3/25

223

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 185| 482%

YoY: ▲ 38.0| 20.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

26.2%

+/- YoY: ▼ 59.3%

DT thuần

9T 2025

2,171

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 922| 73.8%

LN sau thuế

9T 2025

283

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 81.0| 40.2%

ROE

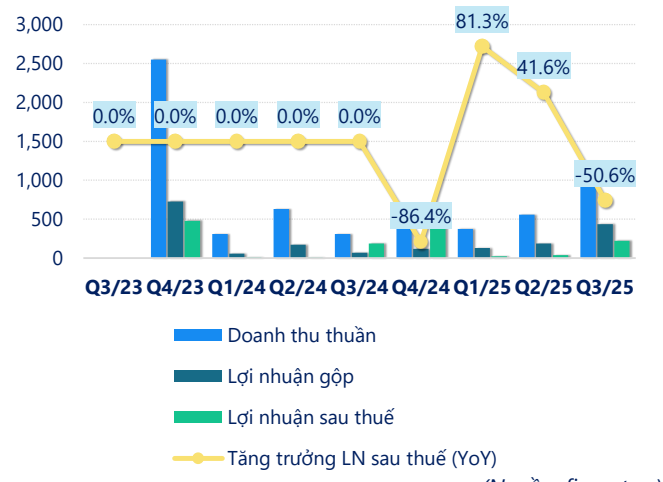
Q3/25

15.0%

+/- YoY: ▼ 2.7%

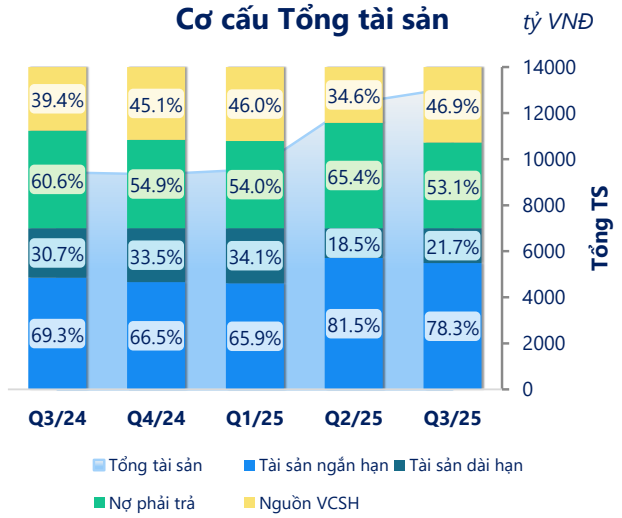
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



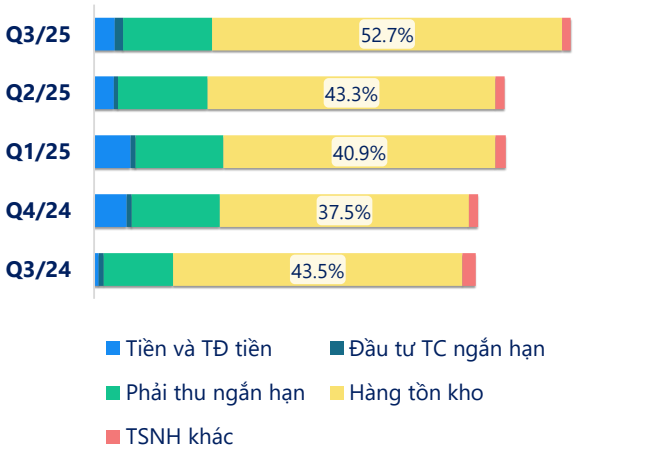
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



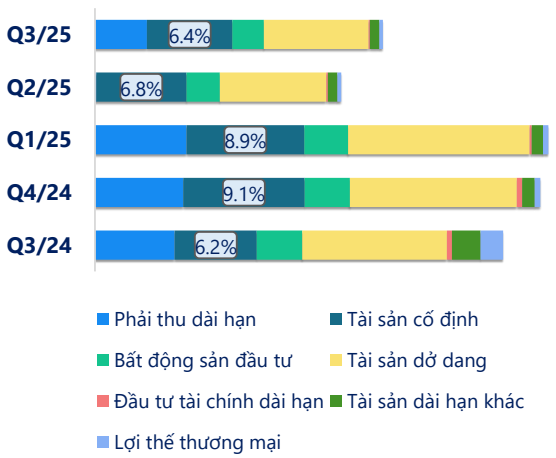
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



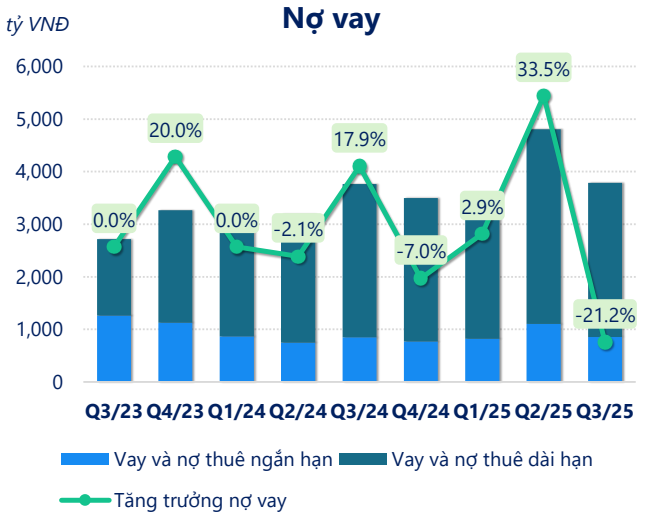
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



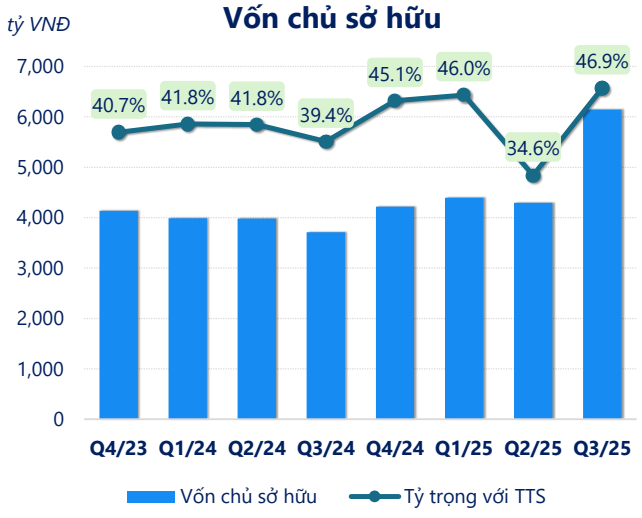
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



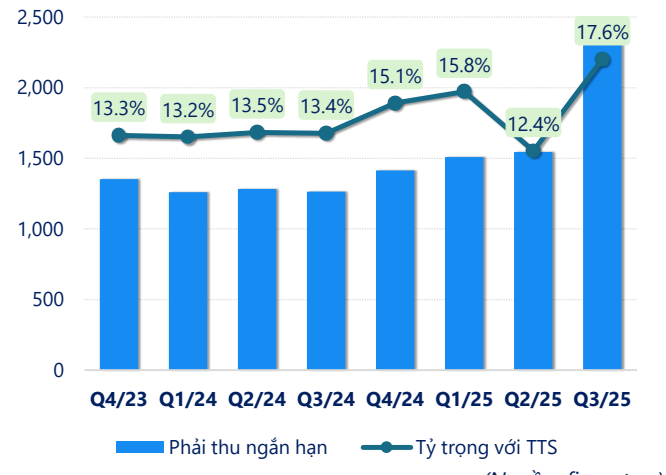
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



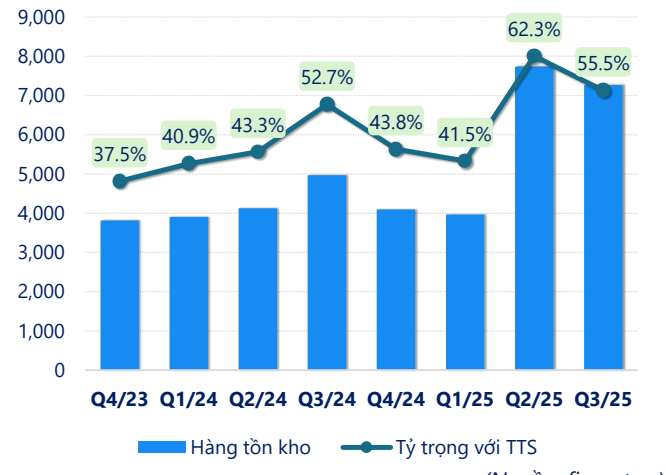
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



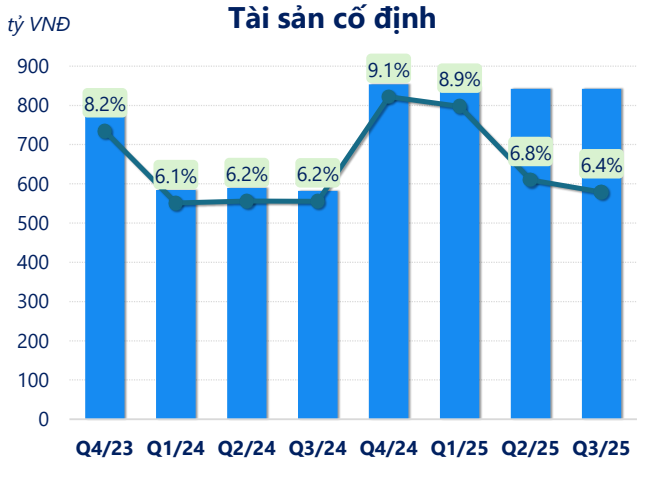
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



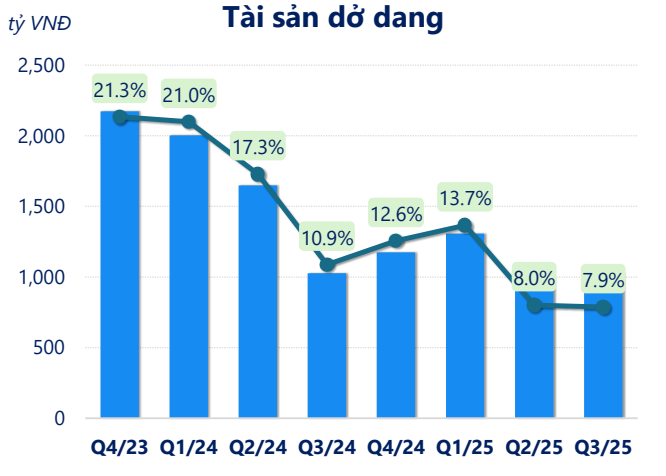
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



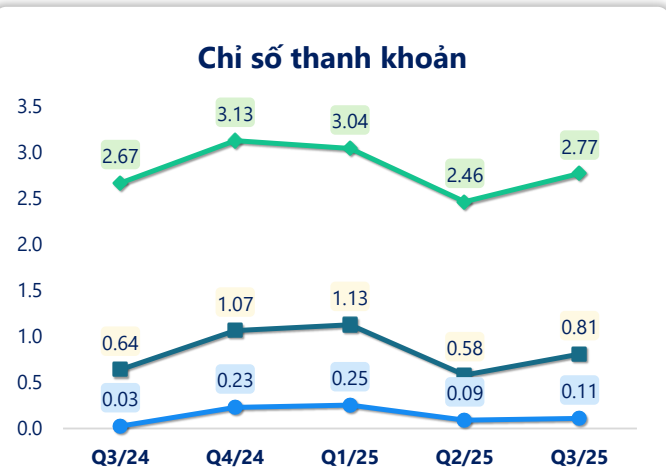
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



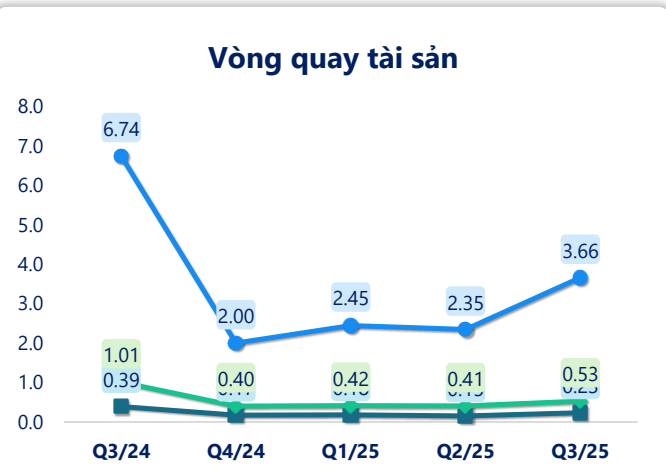
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**9,426**	**9,344**	**9,565**	**12,423**	**13,096**
Tài sản ngắn hạn	**6,531**	**6,213**	**6,302**	**10,122**	**10,261**
Tiền và tương đương tiền	63.8	456	526	368	406
Đầu tư tài chính ngắn hạn	117	117	153	334	125
Phải thu ngắn hạn	1,264	1,414	1,509	1,543	2,307
Hàng tồn kho	4,964	4,097	3,968	7,736	7,264
Tài sản ngắn hạn khác	122	129	145	141	158
Tài sản dài hạn	**2,895**	**3,131**	**3,263**	**2,301**	**2,836**
Phải thu dài hạn	566	620	658	12.2	512
Tài sản cố định	582	854	847	842	842
Bất động sản đầu tư	322	319	316	313	309
Tài sản dở dang	1,026	1,174	1,307	996	1,031
Đầu tư tài chính dài hạn	36.4	36.5	13.3	14.1	14.2
Tài sản dài hạn khác	201	88.8	82.9	87.4	92.6
Lợi thế thương mại	162	39.7	38.2	36.5	34.1
Nợ phải trả	**5,715**	**5,127**	**5,170**	**8,129**	**6,952**
Nợ ngắn hạn	**2,447**	**1,986**	**2,070**	**4,107**	**3,702**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	847	767	821	1,106	856
Phải trả người bán ngắn hạn	376	408	372	372	324
Nợ dài hạn	3,268	3,141	3,100	4,022	3,250
Vay và nợ thuê dài hạn	2,918	2,733	2,778	3,700	2,931
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,711**	**4,217**	**4,395**	**4,294**	**6,145**
Vốn chủ sở hữu	**3,711**	**4,217**	**4,395**	**4,294**	**6,145**
Vốn điều lệ	2,970	2,970	3,119	3,119	3,600
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)